

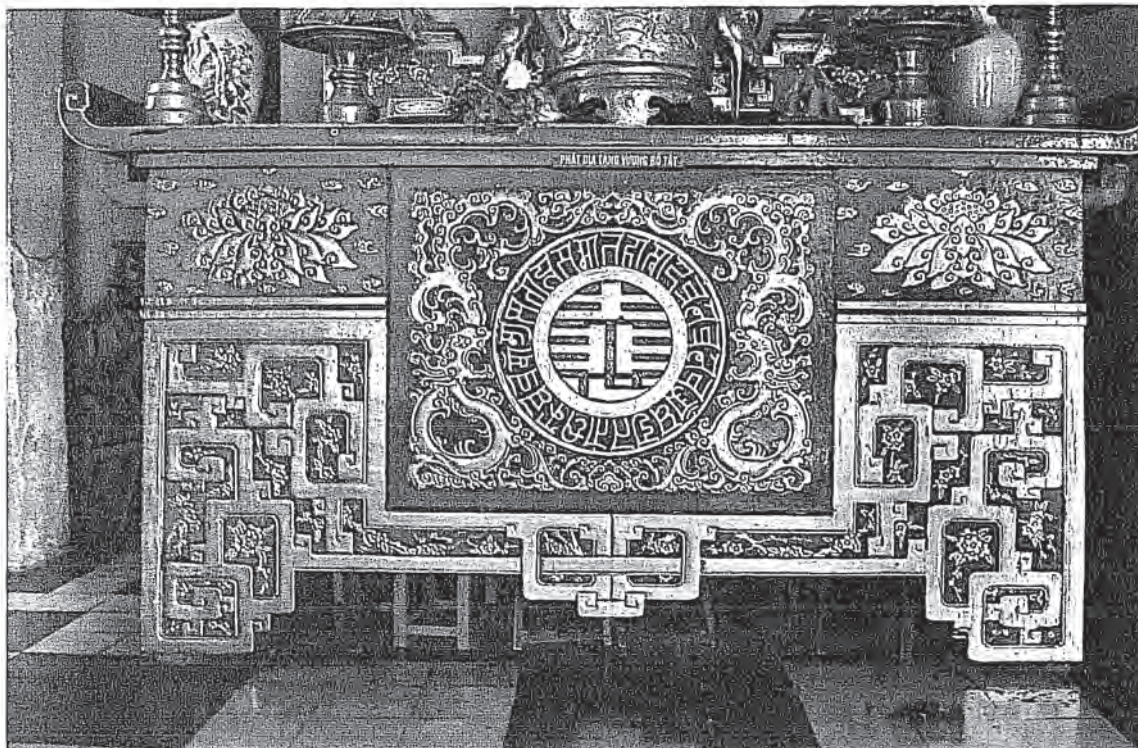
PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

VỀ PHONG CÁCH VÀ HÌNH THỨC KẾT ÁN của tượng Phật giáo Việt

1 - Về phong cách: Một đặc điểm đáng quan tâm của tạo hình Việt là: Do sự phân hóa xã hội thấp, sự ngăn cách giữa tầng lớp thống trị và quần chúng nhân gian chưa cách biệt mạnh mẽ như của Trung Hoa và của Ấn Độ... nên ở một giới hạn nào đó, nghệ thuật tạo hình của người Việt cũng được biến đổi theo sự thay đổi của triều đại, vì thế chúng ta có thể gọi mỹ thuật Lý, mỹ

thuật Trần mà không sợ "sai trái" về mặt khoa học. Tuy nhiên, ở lĩnh vực tượng Phật giáo hiện nay chúng ta chưa tìm được cụ thể những sản phẩm vật thể của tượng nhân dạng thời Trần và thời Lê sơ, nên về phong cách tạm có thể chia như sau:

- *Phong cách thời Lý (thế kỷ XI, đầu thế kỷ XII):* Về cơ bản tượng Phật có bộ mặt mang nhiều nét chân dung chuẩn mực,



Nhang án chùa Quán Sứ (Hà Nội) - Ảnh: Đức Dũng

thuần hậu với những chi tiết lấy việc đề cao trí tuệ làm trọng, cụ thể là sọ tượng nở, mặt thon hình trái xoan (tượng chùa Chương Sơn - Nam Định là một ví dụ). Đó là khuôn mặt nam giới, lông mày cong, mắt nhìn xuống, mũi đầy đặn, miệng thoáng nụ cười, tai lớn vừa phải. Về cơ thể thân tượng mỏng vai rộng, bụng thon, ngời hơi ngả về phía trước. Đặc điểm nổi bật là áo bó sát người làm nổi hẳn các bộ phận bên trong của cơ thể. Một chi tiết khác đáng chú ý là nếp áo không nhiều, song từng nếp không phải là hiện tượng gấp chông của vải, mà được thể hiện bằng đường gân tròn nổi khối trên nền áo (nếp áo kiểu gân tròn nổi khối này cũng đã gặp ở nhiều tượng Phật khác của thời Lý, ít nhiều đồng nhất với những pho tượng Phật của dòng nghệ thuật Gandhâra, đây là dòng nghệ thuật kết hợp giữa truyền thống Hy Lạp và Ấn Độ được nảy sinh ở vùng Péc Xa Oa - Pa Kít Tăng. Những sản phẩm Phật giáo này hiện nay cũng đang được trưng bày tại Bảo tàng Can Quýt Ta - Ấn Độ)

- *Phong cách kế thừa thời Lý (thế kỷ XVI - thời Mạc)*: Như đã trình bày ở phần trước, tượng Phật giáo của thế kỷ này đã có nhiều loại hình hơn, như tượng Tam Thế, tượng Thích Ca tọa thiền, tượng Quan Âm, Ngọc Hoàng, tượng Hậu... Nhìn chung, về cơ bản tuy đã cách xa thời Lý đến trên dưới 4 thế kỷ nhưng trong hình thức thể hiện vẫn có một phần tinh thần của cách tạo tượng thời Lý, cụ thể là: Sọ tượng vẫn nở, mặt trái xoan, áo ít nếp, đặc biệt vẫn để nổi khối các bộ phận của cơ thể hẳn ra ngoài áo. Tuy nhiên, tượng mang yếu tố dân gian cao hơn, bởi tính thực hơn, nhìn chung bộ mặt thuần hậu, nhiều nét chân dung hiện thực. Tượng vẫn có vai rộng nhưng tròn xuôi, không còn hiện tượng người mỏng, mà ngực đã khá nở, song bụng vẫn giữ rất thon. Nếp áo đã mang hình thức nếp gấp của vải, nhưng không nhiều. Một chi tiết khác là nếu các cánh sen của thời Lý thường úp vào thì tính chất điêu khắc của các cánh sen thời Mạc đã tỏ ra mạnh mẽ hơn rất nhiều, với gần như nửa mũi cánh nhô hẳn ra, mặt cánh sen múp phồng để chứa ở trong lòng nó hệ vân xoắn, hoa cúc, các hạt tròn nổi trong một trật tự cụ thể, như để phản ánh

tâm thức Âm Dương đối đãi, cầu mưa cầu mùa sinh sôi. Đặc biệt, đối với các tượng Bồ Tát, như Quan Âm chẳng hạn, với nhiều pho khá lớn. Nếu tượng to bằng người thật thì mũ của tượng (được gọi là Thiên quan, cũng gọi là Bảo quan), được thể hiện với những búp sen rủ xuống kèm những đài sen có hình Phật đều có tỷ lệ khá lớn. Những búp sen này to gần như quả trứng gà, nổi khối, như được gắn vào, nhưng thực tế tất cả hình nổi khối đó đều được tạo nên cùng một khối gỗ với đầu tượng. Tượng có bụng nhỏ tròn, có khi không rõ áo và điều đáng quan tâm là đôi tay (chấp trước ngực) của tượng thường có phủ một vạt vải chảy từ vai xuống, rồi buông thành mũi nhọn, ngắn (với góc khoảng 60 độ). Mũi này được thể hiện dưới dạng bong kênh, để rộng ở phía sau.

- *Phong cách thời Lê - Trung hưng (thế kỷ XVII - XVIII)*. Về cơ bản các tượng vẫn kế thừa gần gũi tượng thời Mạc, nhưng đã có nhiều sự thay đổi về chi tiết. Áo tượng đã nhiều nếp hơn, không lộ hẳn các bộ phận cơ thể bên trong, đài sen cũng dần dần khép úp lại, nhiều khi hoa văn trong lòng cánh sen chuyển hóa thành đao mác. Trên khuôn mặt tượng đã bắt đầu tạo nhiều khối căng no đủ đầy chất điêu khắc, như gò má, rồi ngắn mép hẳn sâu để nổi rõ cằm, mồm nhỏ lại tạo cho môi dày lên. Ở các tượng Bồ Tát những búp sen trên thành mũ thường nhỏ đi chỉ còn bằng 1/3 so với thời Mạc. Bụng trên của tượng bắt đầu nở như để biểu hiện sự cao quý của tầng lớp trên. Cũng như tượng thời Mạc bộ tượng được trang trí rất kỹ, với những biểu tượng mang dấu ấn rõ rệt của đương thời. Trong thế kỷ XVIII dưới đời Vĩnh Thịnh các tượng còn chú ý nhiều tới trang trí, nhưng từ giữa thế kỷ trở đi thì hiện tượng chạm trở giảm hẳn, không còn đặc kín, nhất là ở trên bộ tượng.

- *Về các tượng của thế kỷ XIX - XX*: Nếu như các thời trước chỉ gặp tượng gỗ và đá, thì thời kỳ này đã gặp cả các tượng với chất liệu bằng đồng, đất. Ở đây, những tượng gỗ đã chia làm 2 dạng khác nhau. Một là, gần gũi với tượng thế kỷ XVII, nhưng các đề tài trang trí bổ sung ngày càng giảm thiểu; hai là, nhiều tượng kể cả to, lẫn nhỏ đã nổi dòng của nghệ thuật chùa Tây Phương

Ở những tượng đồng lại chú ý nhiều tới chi tiết, nhất là những diềm áo nhiều khi vênh hẳn ra, các hoa văn khác đôi khi gai góc, đặc biệt khuôn mặt tượng nhiều khi bỏ tính khái quát mà nặng tính chân dung, phẳng phất những khuôn mặt cụ thể nào đó. Những tượng đất có thể được làm rất kỹ, với một số pho theo phong cách của tượng gỗ như có sự tham gia của tầng "lớp trên". Nhiều tượng khác lại được làm tùy tiện, tuy bố cục vẫn theo truyền thống, song khuôn mặt đã trôi chảy theo dòng tư duy dân dã, nhiều khi tắc trách, dù cho một số pho tạo được vẻ đẹp đột ngột.

2 - Về cách kết ấn: Ở các tượng tròn nhân dạng của người Việt, đã có nhiều cách kết ấn khác nhau, tập trung nhất là ở hệ tượng Phật giáo. Trong cách tạo tượng của người Trung Hoa, Việt và một số nhóm cư dân khác thì ấn quyết được thể hiện ra ở đôi bàn tay với nhiều dạng thức khác nhau. Riêng người Việt thì ấn quyết không nhiều, và được diễn ra dưới mấy dạng thường thấy như sau:

2.1 - Ấn Thiên định (Xamâdhi), hoặc Giới định, cũng gọi là Pháp giới định. Kết ấn này nhằm giữ cho thân tâm yên tĩnh, tránh tà loạn, để tinh tấn về trí tuệ. Ấn này thường gắn với các tượng Tam Thế, Di Đà, Thế Tôn, trong hình thức tọa thiền... Thông thường, cách kết với hai tay khép sát, các ngón để thẳng và ngửa lòng, tay trái - Âm, nặng để dưới, tay phải - Dương, nhẹ chống lên trên, hai đầu ngón tay cái gần chạm nhau.

2.2 - Ấn Liên hoa, cũng gọi "Liên hoa hợp trường", ấn này cũng được thể hiện bằng cách khép ngón lại, vuốt thẳng, hai mặt bàn tay úp mặt vào nhau, đặt trước ngực. Kết ấn này nhằm thể hiện về một yếu nghĩa sâu xa của đạo là: Âm và Dương, Lý và Trí, Phạm và Thánh cùng một thể một cội nguồn. Ấn này đã xuất hiện cả ở các tượng Phật và Bồ Tát... Với chúng sinh thường cũng kết ấn này khi hành lễ, nên được gọi là ấn Phổ lễ, nhằm biểu hiện lòng kính cẩn trước thần đài.

2.3 - Ấn Thuyết pháp, với bàn tay khép chặt các ngón, duỗi thẳng lên trên và chiếu ra phía trước, tay co ngang vai. Ấn này

thường gắn với tượng A Di Đà Phóng/Phát Quang.

2.4 - Ấn Cứu độ, cũng tương tự như ấn Thuyết pháp, song chiếu thẳng xuống dưới với tay để sát đùi. Ấn này nhằm giải thoát chúng sinh khỏi những mê lầm và sự tác động của tà ma, quỷ quái.

2.5 - Ấn Cam lộ, được kết với bàn tay để ngửa thường đặt ngang bụng, các ngón khép lại, duỗi thẳng, riêng ngón cái hững hờ đưa vào giữa lòng bàn tay. Ấn này thường được Di Đà Phát Quang hoặc Bạch Y Quan Âm kết, với ý nghĩa nhằm cứu chúng sinh thoát khỏi nghiệp chướng khổ đau bởi những phiền não của thế gian.

2.6 - Ấn Mật phùng, được kết với tay trái nắm lại, tay phải phủ lên trên, hai ngón cái song song ép vào hai ngón trỏ rồi chỉ thẳng lên trời. Ấn này thường thấy ở tượng Tổ Truyền đăng Ca Diếp. Mọi nhà sư cũng như chúng sinh kết ấn này nhằm cho tâm được yên tĩnh, không bị xáo động tà loạn. Trong quan niệm của người xưa thì tay trái mang yếu tố Âm, nên tay phải bọc ở ngoài. Đây cũng là một ấn thường được kết để giữ tâm thanh lòng tĩnh trước thần đài.

2.7 - Ấn Gia trì Bốn/Bản tôn, được kết với ngón giữa, ngón nhẫn cong lại, ngón cái tỳ ở phía bên đầu của ngón giữa, ngón trỏ và út để thẳng tự nhiên. Kết ấn này nhằm giữ cho hành giả không bị xa lạc mà nâng cao nhận thức với bản thể chân tâm, tức Phật tâm, đồng thời có sự hộ trì của đức Phật và Bồ Tát. Ấn này thường được Quan Âm kết.

2.8 - Ấn Vô úy, thông thường được kết với ngón nhẫn, ngón út cong lại, ngón cái giữ ở bên đầu ngón nhẫn, ngón giữa, ngón trỏ để thẳng tự nhiên. Ấn này nhằm xua đuổi tà ma, kể cả ma tâm nằm trong chính bản thân người kết ấn. Ấn Vô úy (Vô là không, Úy là sợ) thường thấy được kết ở tượng Tam Thế, tượng Thích Ca Sơ Sinh...

2.9 - Ấn Chuẩn đề, được kết bởi ngón nhẫn, út đan nhau ấn trong lòng bàn tay, hai ngón giữa chạm đầu nhau chống thẳng lên, hai ngón trỏ tỳ vào lưng ngón giữa, hai ngón cái khép sát chỉ thẳng lên trên. Ấn Chuẩn đề mang một huyền lực siêu việt nhằm kết tụ một sức mạnh thần thánh to lớn



Các cách kết ấn trên nhang án chùa Quán Sứ (Hà Nội) - Ảnh: Đức Dũng

để cứu độ chúng sinh một cách gấp gáp... (bởi Chuẩn đề chú là một pháp đứng đầu vạn pháp). Ấn này thường được kết bởi Quan Âm, để Ngài mang tên là Quan Âm Chuẩn Đề, đôi khi cũng thấy được kết ở đức Phật Thích Ca. Trong quá khứ với đặc tính như vậy, nên các tượng kết ấn Chuẩn đề thường chỉ được xuất hiện khi người dân bị đau khổ nặng nề, bởi vậy cần cầu viện gấp gáp tới uy lực của nhà Phật.

2.10 - Còn nhiều ấn khác, tương ứng với những điều kiện thực tế của cuộc sống, như

Xa lộ ấn hoặc hình thức của tượng Phật ngồi với bàn tay khép khít các ngón, rồi úp chỉ xuống ở trên đầu gối..., đó là một hình tượng cũng đã phổ biến ở tượng Phật nước ta, nhằm nói về tích khi Phật thành đạo có Ma Vương đến hỏi: Ngài lấy gì chứng minh về sự đắc đạo? Đức Phật đã chỉ xuống đất và nói rằng: Có đất chứng giám cho ta, vì thế tượng này cũng được gọi là Tượng Đất Chứng Giám./

HẢI NINH

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

SUMMARY: INTRODUCTION TO THE STYLES AND FORMS OF HAND GESTURES (MUDRAS) OF VIETNAMESE BUDDHIST STATUES (HẢI NINH)

Presenting some basic sculptures of Vietnamese Buddhist statues, the author identifies the styles and age of statues through times. The article also refers to some popular forms of hand gestures (mudras) and their meanings, contributing to a more defined understanding of Buddhist art of sculpture in Vietnam.